

Bản án số 25/2022/DS-PT

Ngày 12 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần và ông Trần Quốc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 15/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1955; địa chỉ: xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Quang Hào, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư số 1 Nghệ An, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị Thảo và bà Lê Thị Thu Hằng, Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Trương Anh Tú, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1950; địa chỉ: xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lê Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà 02, Ngõ 66, Đường H, Khối 17, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 30, Tổ 13, phường S, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số nhà 35, phố K, phường G, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

+ Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Mạnh H; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cố Phạm Văn C, cố Phạm Thị N (là ông ngoại, bà ngoại của ông H đều chết năm 1945), sinh được 02 người con là bà Phạm Thị T (là mẹ của ông H, đã chết năm 1992) và cụ Phạm C1 (liệt sỹ hy sinh năm 1952, khi chưa có vợ con). Cụ T kết hôn với cụ Lê Xuân D (là bố của ông H, đã chết năm 2021), sinh được 92 người con là ông Lê Văn H (là nguyên đơn) và bà Lê Thị N. Các cố, các cụ chết không để lại di chúc.

Cố C và cố N có 01 mảnh đất diện tích khoảng 1500 m² là một phần thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19 tại Xóm 14 (P) (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An. Sau khi các cố chết, năm 1946, cụ T kết hôn với cụ D và đưa em trai là cụ C1 về sinh sống ở nhà chồng (cụ D). Năm 1947, cụ C1 nhập ngũ nên cụ T không có điều kiện để trông nom, quản lý tài sản của cha mẹ dẫn đến việc vào năm 1993, gia đình cụ Nguyễn Đình L (bố của bị đơn ông Nguyễn Đình T) là chủ đất liền kề đã tự ý sử dụng, quản lý. Năm 1997, gia đình cụ L được Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1464 m², không bao gồm phần đất di sản của các cố của ông H để lại.

Ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đình T phải trả lại 1500 m² là một phần thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19, tại Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An cho gia đình ông làm nơi thờ cúng gia đình liệt sỹ. Ngoài ra, ông H còn cung cấp thông tin: Năm 1989, cụ D có chung sống như vợ chồng với cụ Phạm Thị D1 tại thành phố V nhưng không ly hôn với cụ T. Cụ D và bà D1 nhận nuôi anh Lê Xuân H làm con nuôi nhưng hiện không ai biết tin tức, nơi cư trú của bà D và anh H đang làm gì và ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N (là chị gái của ông H) trình bày và thống nhất như yêu cầu khởi kiện của ông H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Năm 1943, vợ chồng cụ H2, cố K đã mua mảnh đất và ngôi nhà tranh của vợ chồng cố C, cố N ngay sát bên cạnh đất của cụ K2 (con của cụ H2, cố K) để cho vợ chồng con trai thứ là cụ Nguyễn Đình L, cụ Phạm Thị H9 ra ở riêng từ năm 1944. Ở được một thời gian thì cụ L thấy gặp nhiều rủi ro nên được cụ K2 cho chuyển sang đất cụ K2 làm nhà. Kể từ đó, gia đình cụ L sử dụng cả hai mảnh đất cho đến nay. Mặc dù có nhiều sự kiện xảy ra như việc đào mương thoát nước, Trường Thương nghiệp tỉnh Nghệ An sử dụng trong thời kỳ chiến tranh nhưng gia đình cụ L vẫn là người quản lý, sử dụng đất để trồng hoa màu, cây cối với thời gian lâu dài, ổn định không có bất kỳ ai tranh chấp. Hai mảnh đất đã được tạo thành một khuôn viên chung. Năm 1997, cụ L đã được Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 6 diện tích 1463 m² và hiện nay, theo đo đạc bản đồ địa chính thửa đất đã đổi số hiệu là thửa đất số 314, tờ bản đồ 19, diện tích 4568 m². Năm 2004, cụ L đã làm đơn yêu cầu được lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất cụ H2 mua của cố C, cố N nhưng chưa được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An chấp thuận. Cụ H9 chết năm 1992, cụ L chết năm 2006 đều không để lại di chúc. Sau khi các cụ chết, vợ chồng ông T, bà T tiếp tục sử dụng thửa đất 314 để bảo quản, giữ gìn di sản của cha mẹ.

Cụ L, cụ Hoạch có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Đình Y (đã chết), bà T, ông T, ông S, ông Tr. Ông Y và vợ là bà H đều đã chết và có 06 con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L.

Nay, ông H khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lại cho ông H diện tích 1500 m² đất trong thửa đất trên thì không đồng ý vì cụ T, cụ D, ông H là người sinh sống cùng xóm, cách phần đất tranh chấp khoảng 300 đến 400 mét thì đều biết rõ việc gia đình cụ L sử dụng đất từ trước đến nay là đã hơn 70 năm mà không có ý kiến gì và việc gia đình cụ L sử dụng đất xuất phát từ giao dịch chuyển nhượng đất giữa các cố chứ không phải là tự ý chiếm hữu trái pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình S, ông Nguyễn Đình T, bà Nguyễn Thị T (là các con của ông Nguyễn Đình L), bà Trương Thị Th1 (vợ của ông T), chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Đình T, anh Nguyễn Đình S, chị Nguyễn Thị Hà, chị Nguyễn Thị Lại (là các cháu của ông Nguyễn Đình L, con của ông Nguyễn Đình Y) trình bày và thống nhất ý kiến như ông T, không chấp nhận việc đòi lại đất của ông H.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An trình bày: Nguồn gốc phần diện tích đất đang tranh chấp là của cô C, cô N (ông bà ngoại của ông Lê Văn H) sử dụng từ trước năm 1945. Từ năm 1945 cho đến nay, phần đất tranh chấp do gia đình cụ L (nay là gia đình ông T) quản lý, sử dụng. Thửa đất này năm 1995 đã được Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình L ở thửa đất số 99 chung của 16 hộ. Việc tăng diện tích so với bản đồ mới có thể do phát bờ, bụi xung quanh và sai số đo đạc.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Thửa đất số 314, tờ bản đồ 19 tại Xóm 14 (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích 4567 m², trị giá 4.000.000 đồng/m²; phần diện tích đất đang tranh chấp nằm về phía Bắc của thửa đất số 314, tờ bản đồ 19, hiện đang do gia đình ông T quản lý, sử dụng trồng cây và hoa màu diện tích 2371,5m²; bao quanh về phía Đông, Bắc, Tây là cây cối trồng từ lâu và một số bụi cây tự mọc.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc buộc ông Nguyễn Đình T trả lại 1500 m² đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19 tại Xóm 14 Phong Hợp (nay là Xóm 6), xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn kháng cáo với nội dung: Đất đai có nguồn gốc của cụ C và cụ N để lại, Bản án sơ thẩm đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của gia đình liệt sỹ Phạm C. Gia đình ông T không được Nhà nước giao đất, không đóng thuế, lệ phí cho Nhà nước, phần đất của cụ C và cụ N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Đất của gia đình ông H từ năm 1945 đến nay chưa bị Nhà nước thu hồi, ông T quản lý đất không được sự đồng ý của gia đình ông nên ông H kháng cáo toàn bộ

bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện, buộc ông T trả lại cho gia đình ông H diện tích 1500 m² đất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, bị đơn ông Nguyễn Đình T không chấp nhận kháng cáo của ông H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Đình T phải trả lại diện tích đất 1500 m² cho ông Lê Văn H.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật. Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Do Tòa án không triệu tập hết người tham gia tố tụng (anh Lê Xuân H và chị Nguyễn Thị H), những người này vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên đề nghị hoãn phiên tòa. Về thủ tục hòa giải trước khi nguyên đơn khởi kiện, Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An có Thông báo số 151 ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc không tiến hành thụ lý đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai nhưng Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của một số người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Quang Hảo (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn H) và người đại diện của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và nguyên đơn ông Lê Văn H cũng đề nghị tiếp tục phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng tài sản tranh chấp: Mặc dù không có tài liệu nào thể hiện nhưng được các đương sự đều thừa nhận một phần thửa đất số 99, tờ bản đồ số 6, Bản đồ 299 (nay là thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính mới) có một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cô C, cô N từ năm 1945 trở về trước. Sau khi các cô chết (năm 1945) cho đến nay, con cháu các cô đều không quản lý, sử dụng và không thực hiện nghĩa vụ nào của chủ sử dụng đất với Nhà nước.

Đất đai trước năm 1945 thuộc chế độ cũ quản lý, từ sau năm 1945, thuộc sở hữu toàn dân do các Hợp tác xã, Chính quyền quản lý theo quy định. Ông Lê Văn H khởi kiện nhưng không có tài liệu nào thể hiện được Hợp tác xã hoặc Chính quyền địa phương giao để sử dụng vào mục đích gì, diện tích bao nhiêu? Quá trình sử dụng từ năm 1945 đến nay, ông Nguyễn Đình L, tiếp theo là ông Nguyễn Đình T là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Kể từ khi có Luật Đất đai năm 1987, đã quy định đất đai do Ủy ban nhân dân các cấp quản lý. Quá trình kê khai, vào sổ địa chính, sổ mục kê, lập Bản đồ 299, Bản đồ 364, cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64-CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 đều không có tài liệu nào thể hiện diện tích đất tranh chấp có tên bà Tịu, ông H. Căn cứ sổ mục kê và trích lục Bản đồ 299 thì thửa đất số 99 có tổng diện tích 15.615 m², mục đích sử dụng là đất ở + đất vườn; có 16 chủ sử dụng (gồm cụ V, a C, a V, C H, C l, C Y, A Ngh, A T, a A, B A, ô T, a L, c T N, a Đ, ô Q, cụ Yên L), không có tên của cụ C, cụ T, cụ D hay ông H.

Theo Báo cáo số 63 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An thể hiện: Đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ C, cụ N nhưng ông Lộc, ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ năm 1945 đến nay. Việc tăng diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực trạng hiện nay có thể do phát cây, bờ bụi và sai số do đo đạc. Theo Công văn số 164/TNMT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N xác định: Việc ông Lê Xuân D đề nghị cấp có thẩm quyền cấp xét lại mảnh đất của cha mẹ vợ ông để lại trước đây tại xóm Y, xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An là không có cơ sở để giải quyết.

Theo Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Tuy nguồn gốc đất trước năm 1945 là của cụ C, cụ N nhưng đã hơn 70 năm nay, cụ Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình T là người trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định, liên tục, công khai, không ai tranh chấp. Việc chênh lệch diện tích đất trong giấy quyền sử dụng đất và thực tế sử dụng không phải là căn cứ để ông Lê Văn H đòi lại đất được thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện đòi lại đất của ông H là có căn cứ, đúng các quy định

về chính sách, pháp luật đất đai qua các thời kỳ. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

[4.1] Về việc Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập hết người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, không an cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Lê Xuân H hiện đang ở đâu, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Đối với chị Nguyễn Thị H, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết sơ thẩm và không có kháng cáo. Do đó, không cần thiết triệu tập anh An và chị Hà đến tham gia phiên tòa phúc thẩm và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của họ.

[4.1] Về thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện, ngày 10 tháng 12 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An đã có Thông báo số 151/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai gửi ông Lê Văn H với nội dung: Việc thụ lý giải quyết đơn thư của ông Lê Văn H, Ủy ban nhân dân xã N không có căn cứ để giải quyết; nội dung này được giải quyết và trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N nên việc đề nghị của ông H, Ủy ban nhân dân xã Nghi Phong không tiếp tục giải quyết nữa. Ông Lê Văn H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Lê Văn D, trước khi ông H khởi kiện, không cần thiết phải qua thủ tục hòa giải tại cơ sở. Do đó, Tòa án sơ thẩm thụ lý là không vi phạm thủ tục tố tụng như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí Dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm .

2. Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai 2013; xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc buộc ông Nguyễn Đình T trả lại 1500 m² đất tại thửa đất số 314, tờ bản đồ số 19 tại Xóm 14 P (nay là Xóm 6), xã N, huyện N1, tỉnh Nghệ An.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Lê Văn H.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm (về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm) không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà